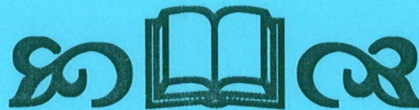




CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 4 năm 2019



Ngày 31 tháng 12 năm 2019


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.142.500.087.128	1.458.060.899.566
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	30.169.465.509	83.089.108.096
1 Tiền	111		2.059.465.509	2.889.108.096
2 Các khoản tương đương tiền	112		28.110.000.000	80.200.000.000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.082.394.358	21.101.555.302
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	33.082.394.358	21.101.555.302
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.049.986.707.835	1.317.137.002.444
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	29.850.198.677	25.245.234.353
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.753.797.512	102.974.143.512
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	152.369.443.331	51.893.670.425
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	870.274.628.637	1.139.236.524.143
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(9.261.360.322)	(2.212.569.989)
IV Hàng tồn kho	140	5.9	26.969.736.134	34.522.394.607
1 Hàng tồn kho	141		26.969.736.134	34.522.394.607
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.291.783.292	2.210.839.117
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.211.857	57.463.134
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		305.214.227	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.959.357.208	2.153.375.983
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.029.753.766.978	2.403.829.318.797
I Các khoản phải thu dài hạn	210		231.425.250.000	352.430.602.090
1 Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	231.425.250.000	277.425.250.000
2 Phải thu dài hạn khác	216	5.6	-	75.005.352.090
II Tài sản cố định	220		1.412.084.705	1.795.190.570
1 Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.412.084.705	1.790.198.597
<i>Nguyên giá</i>	222		3.112.044.571	3.112.044.571
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.699.959.866)	(1.321.845.974)
2 Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	4.991.973
<i>Nguyên giá</i>	228		50.000.000	50.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(50.000.000)	(45.008.027)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		0	1.391.222.931
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.391.222.931
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	2.796.916.432.273	2.048.212.303.206
1 Đầu tư vào công ty con	251		2.016.398.823.206	1.893.728.823.206
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		780.517.609.067	154.483.480.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.172.253.854.106	3.861.890.218.363

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		1.541.666.277.644	1.507.838.281.075
I Nợ ngắn hạn	310		1.241.229.708.719	1.167.788.712.150
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	184.289.061.373	8.573.081.648
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	465.416.342.055	3.472.028.926
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	193.059.408	189.707.730
4 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	4.783.741.678	5.031.626.039
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	156.148.537.522	274.590.238.071
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	428.657.548.625	874.647.130.000
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.741.418.058	1.284.899.736
II Nợ dài hạn	330		300.436.568.925	340.049.568.925
1 Phải trả dài hạn khác	337	5.16	5.500.000.000	-
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	294.936.568.925	340.049.568.925
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.630.587.576.462	2.354.051.937.288
I Vốn chủ sở hữu	410	5.18	2.630.587.576.462	2.354.051.937.288
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>1.928.547.650.000</i>	<i>1.928.547.650.000</i>
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		69.550.184.378	55.653.921.378
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		628.831.993.988	366.192.617.814
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>366.192.617.814</i>	<i>162.197.149.107</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>262.639.376.174</i>	<i>203.995.468.707</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.172.253.854.106	3.861.890.218.363

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020


 Dương Thị Nhung
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Chính
 Kế toán trưởng


 Phạm Thế Chính
 Tổng Giám đốc



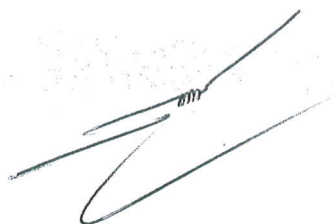
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.055.679.035	3.234.967.281	10.010.331.164	35.140.284.121
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		72.676.636	12.531.724	454.565.992	432.311.571
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	5.19	3.983.002.399	3.222.435.557	9.555.765.172	34.707.972.550
4 Giá vốn hàng bán	11	5.20	4.035.520.204	2.022.141.964	9.533.830.051	30.611.710.331
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		(52.517.805)	1.200.293.593	21.935.121	4.096.262.219
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	102.330.151.967	168.653.275.221	373.500.577.284	384.722.479.917
7 Chi phí tài chính	22	5.22	12.500.858.324	33.270.384.583	81.209.832.537	165.137.320.682
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.500.858.324	31.125.979.694	80.537.477.537	132.067.832.529
8 Chi phí bán hàng	25		20.976.232	-	20.976.232	65.700.000
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	6.368.926.927	1.951.691.314	13.334.601.261	8.666.708.224
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(25+26)]	30		83.386.872.679	134.631.492.917	278.957.102.375	214.949.013.230
11 Thu nhập khác	31	5.24	300.000.000	392.727.273	1.200.000.000	1.314.885.735
12 Chi phí khác	32	5.25	173.649.690	102.799.549	2.231.837.201	395.677.258
13 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		126.350.310	289.927.724	(1.031.837.201)	919.208.477
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 =30+40)	50		83.513.222.989	134.921.420.641	277.925.265.174	215.868.221.707
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	-	-	-	-
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		83.513.222.989	134.921.420.641	277.925.265.174	215.868.221.707

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	277.925.265.174	215.868.221.707
2 Điều chỉnh cho các khoản		-	-
Khấu hao tài sản cố định	02	383.105.865	383.113.896
Các khoản dự phòng	03	7.048.790.333	(3.492.954.356)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(70.909)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(372.828.222.284)	(351.652.920.855)
Chi phí lãi vay	06	80.537.477.537	132.067.832.529
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(6.933.583.375)	(6.826.777.988)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.352.165.847)	(118.556.766.012)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.015.346.280	15.176.938.174
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.577.581.985	73.495.377.946
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	30.251.277	28.741.057
Tiền lãi vay đã trả	14	(34.292.680.933)	(55.765.799.409)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(933.107.678)	(1.307.840.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(40.888.358.291)	(93.756.126.652)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(163.230.839.056)	(28.409.209.217)
2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	96.774.227.094	92.501.740.657
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(76.470.000.000)	-
4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	138.101.310.000
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	156.983.327.666	254.686.027.484
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	14.056.715.704	456.879.868.924

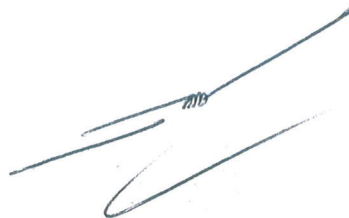
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1 Tiền thu từ đi vay	33	5.000.000.000	-
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(31.088.000.000)	(310.258.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.088.000.000)	(310.258.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(52.919.642.587)	52.865.142.272
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	83.089.108.096	30.223.894.915
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	70.909
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	30.169.465.509	83.089.108.096

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế Chính - Quốc tịch Việt Nam, Chức vụ: Tổng Giám đốc

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”), Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,46%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

1.3 Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ kế toán

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, Bộ Giao thông Vận tải đã chấp thuận việc Công ty nhận 51% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc. Các thủ tục chuyển nhượng được hoàn tất trong tháng 1 năm 2019, do đó, Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên chính thức trở thành công ty con vào ngày 21 tháng 1 năm 2019. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên là doanh nghiệp dự án thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, nối tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh theo hình thức hợp đồng B.O.T.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.3. Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ kế toán (tiếp theo)

Trong năm, Công ty TNHH Phát triển Cầu đường CII, một công ty con do Công ty sở hữu 99,99% vốn, đã được giải thể theo Quyết định số 01/QĐ-HĐTV ngày 25 tháng 2 năm 2019 của Hội đồng Thành viên công ty này. Theo đó, Công ty TNHH Phát triển Cầu đường CII đã hoàn tất các nghĩa vụ chấm dứt hiệu lực mã số thuế và đã nộp đủ số thuế theo Giấy xác nhận số 13902/CT-KK ngày 20 tháng 10 năm 2019 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty con				
1/ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP.HCM	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2/ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	TP.HCM	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3/ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP.HCM	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua TP. Phan Rang - Tháp Chàm
4/ Công ty TNHH MTV B.O.T tỉnh Ninh Thuận	TP.HCM	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5/ Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	TP.HCM	99,99%	99,99%	Đầu tư vào công ty dự án cầu đường
6/ Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	TP.HCM	51%	51%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án BOT xây dựng Cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7/ Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,71%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án xây dựng Cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60.
8/ Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án đầu tư nâng mở rộng đường ĐT 741.
<i>(Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)</i>				
Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận	TP.HCM	50%	50%	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm : Bắt đầu từ ngày 01/01/2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu (tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm đầu tư, lãi tiền gửi... nhận được.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (tiếp theo)

Doanh thu hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Phản ánh những khoản thu từ hoạt động cho thuê tài sản, các khoản thu xảy ra không thường xuyên với hoạt động thông thường của doanh nghiệp

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh là các khoản giảm giá hàng bán của việc thực hiện từ hợp đồng xây dựng.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của đơn vị bao gồm các chi phí lương (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ; tiền thuê đất, thuê văn phòng, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh từ hoạt động cho thuê tài sản, các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.059.465.509	2.889.108.096
Các khoản tương đương tiền (i)	28.110.000.000	80.200.000.000
Cộng	30.169.465.509	83.089.108.096

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn gốc dưới 3 tháng.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	33.082.394.358	33.082.394.358	21.101.555.302	21.101.555.302

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	25.665.344.210	20.586.387.552
Công ty Xây dựng Số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị Số 1	2.945.801.731	2.943.324.734
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	2.824.178.378
Công ty Cổ phần Phát triển Đường Cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1.321.079.368	1.321.079.368
Công ty 7/5 - Quận Khu 7	1.217.062.314	1.217.062.314
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông Thái Sơn	1.018.100.000	1.018.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Biên	807.913.550	807.913.550
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 17 Thăng Long	796.272.960	796.272.960
Liên danh Công ty Trường Sơn - Tây Bắc	669.898.000	669.898.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 14	620.995.000	620.995.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ - PMC	589.927.000	589.927.000
Công ty Hoàng Mai	551.542.723	551.542.723
Khu Quản lý Giao Thông Đô Thị Số 4	415.481.000	566.792.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài	511.025.200	511.025.200
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.154.764.623	2.403.572.558
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp	2.103.257.936	2.103.257.936
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	2.103.257.936	2.103.257.936
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2.081.596.531	2.555.588.865
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431.312.458	431.312.458
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.539.094.256
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIH)	-	78.792.086
Cộng	29.850.198.677	25.245.234.353

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trả trước tiền nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	5.820.497.512	101.820.497.512
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	96.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	5.820.497.512	5.820.497.512
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ	933.300.000	1.153.646.000
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Các đối tượng khác	83.300.000	303.646.000
Cộng	6.753.797.512	102.974.143.512

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn	152.369.443.331	51.893.670.425
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (ii)	105.646.443.331	46.520.670.425
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (iii)	39.500.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	2.280.000.000	1.373.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	4.943.000.000	-
b. Dài hạn	231.425.250.000	277.425.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	231.425.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (iii)	-	46.000.000.000
Cộng	383.794.693.331	329.318.920.425
<i>Trong đó, phải thu về cho vay các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	105.646.443.331	46.520.670.425
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	39.500.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	2.280.000.000	1.373.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	4.943.000.000	-
Cộng	152.369.443.331	97.893.670.425

- (i) Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để góp vốn vào Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ gia hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 06 năm 2021. Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu tại Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận.
- (ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 với lãi suất được hưởng trong kỳ là 11%/năm.
- (iii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận theo hợp đồng ký ngày 5 tháng 12 năm 2017 để thanh toán trước hạn nợ vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hạn mức cho vay là 50 tỷ VND, thời hạn cho vay là 3 năm kể từ ngày 6 tháng 12 năm 2017. Lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,8%/năm.

5.6 Phải thu khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	773.686.894.885	568.802.441.125
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	375.178.025.858	205.033.073.409
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	182.696.744.422	181.931.732.397
Công ty TNHH MTV B.O.T tỉnh Ninh Thuận	78.690.502.519	78.690.502.519
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	137.121.622.086	103.147.132.800
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	95.775.962.668	70.477.528.164
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	94.949.708.704	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Yên Khánh (i)	-	67.856.509.808
Công ty Cổ phần Hoàng An	-	2.164.201.375
Lãi tiền gửi tiết kiệm	464.275.424	250.602.653
Các đối tượng khác	361.978.540	206.214.328
Các khoản chi hộ	164.549.243	200.598.013
Phải thu khác.	647.221.841	499.755.956.841
Công ty Cổ phần Tập đoàn Yên Khánh (i)	-	462.850.380.000
Công ty TNHH MTV B.O.T tỉnh Ninh Thuận	-	35.610.000.000
Phải thu khoản nộp 1% đảm bảo công trình	455.871.841	455.871.841
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	-	658.355.000
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	100.000.000	100.000.000
Tạm ứng	77.350.000	67.350.000
Ký quỹ Viễn thông, taxi, thuê máy photo	14.000.000	14.000.000
Cộng	870.274.628.637	1.139.236.524.143
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	-	113.717.194
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	182.696.744.422	181.953.676.841
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	375.178.025.858	205.033.073.409
Công ty TNHH MTV B.O.T tỉnh Ninh Thuận	78.690.502.519	114.300.502.519
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	137.121.622.086	103.147.132.800
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	77.158.736	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	284.819.804	70.552.690
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	-	658.355.000
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	100.000.000	100.000.000
Cộng	774.148.873.425	605.377.010.453
b. Dài hạn		
Lãi cho vay phải thu - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	75.005.352.090
Cộng	-	75.005.352.090

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 Phải thu khác (tiếp theo)

- (i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Yên Khánh bao gồm vốn 462.850.380.000 VND và lãi hợp tác đầu tư theo hợp đồng BCC ký ngày 10 tháng 8 năm 2017. Theo đó, Công ty hợp tác với Công ty Cổ phần Tập đoàn Yên Khánh để đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận (doanh nghiệp dự án) với số tiền là 462.850.380.000 VND và số tiền hợp tác này đã được Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận xác nhận là vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R), tương ứng với 30% vốn điều lệ theo biên bản đối chiếu ngày 8 tháng 5 năm 2019. Vì vậy, Công ty CII B&R tiến hành tăng tỷ lệ vốn góp tương ứng với khoản vốn này và không phát sinh chi phí sử dụng vốn. Do đây là vốn góp nên lãi hợp tác đầu tư 92.291.152.782 VND phát sinh từ ngày 22/08/2017 đến ngày 30/09/2019 được chuyển sang cần trừ vào khoản phải trả cho Công ty CII theo Biên bản thỏa thuận ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5.7 Đầu tư tài chính**a. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	89,98%	28.448.338.135	89,98%	28.448.338.135
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	540.600.000.000	51%	540.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	219.980.000.000	99,99%	219.980.000.000
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	335.996.028.454	99,99%	335.996.028.454
Công ty TNHH MTV B.O.T tỉnh Ninh Thuận	100%	542.505.833.333	100%	430.425.833.333
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	50,71%	242.278.623.284	50,71%	242.278.623.284
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	106.590.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	-	-	99,99%	96.000.000.000
Cộng		2.016.398.823.206		1.893.728.823.206

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	50%	780.517.609.067	50%	154.483.480.000
Cộng		780.517.609.067		154.483.480.000

- (i) Ngày 12/6/2019 theo Nghị Quyết 15/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận. Theo đó, Công ty CII B&R đã nâng tỷ lệ sở hữu lên 50% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần BOT Trung Lương-Mỹ Thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019		01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1.321.079.368	-	1.321.079.368	1.321.079.368	1.321.079.368
Phải thu khách hàng từ thi công công trình Công ty Cường Thuận IDICO	4.283.734.690	45.675.796	4.238.058.894	937.166.417	891.490.621
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 17 Thăng Long	891.822.100	-	891.822.100	-	-
Chi nhánh Công Cổ phần Đầu tư Long Biên	796.272.960	-	796.272.960	-	-
Liên danh Công ty Trường Sơn - Tây Bắc	723.234.000	-	723.234.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 14	669.898.000	-	669.898.000	-	-
Cộng	620.995.000	-	620.995.000	-	-
	9.307.036.118	45.675.796	9.261.360.322	2.258.245.785	2.212.569.989

5.9 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/19	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	25.207.545.926	-	30.703.792.366	-
Chi phí thi công lắp đặt, duy tu dở dang	1.650.890.208	-	3.625.104.946	-
Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang	-	-	82.197.295	-
Hàng hóa	111.300.000	-	111.300.000	-
Cộng	26.969.736.134	-	34.522.394.607	-

Trong đó, chi phí đầu tư dự án B.O.T các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	25.207.545.926
	25.207.545.926

5.10 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2019	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
Tại ngày 31/12/2019	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2019	513.379.010	808.466.964	1.321.845.974
Khấu hao trong năm	85.804.656	292.309.236	378.113.892
Tại ngày 31/12/2019	599.183.666	1.100.776.200	1.699.959.866
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2019	341.380.646	1.448.817.951	1.790.198.597
Tại ngày 31/12/2019	255.575.990	1.156.508.715	1.412.084.705

5.11 Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	50.000.000
Tại ngày 31/12/2019	50.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	45.008.027
Khấu hao trong kỳ	4.991.973
Tại ngày 31/12/2019	50.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	4.991.973
Tại ngày 31/12/2019	-
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng	50.000.000

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán				
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	10.381.323.089	10.381.323.089	6.566.016.332	6.566.016.332
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Chiếu Sáng	1.270.429.658	1.270.429.658	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Kỹ thuật Thiên Thành	351.627.200	351.627.200	351.627.200	351.627.200
Phải trả các đối tượng khác	758.178.249	758.178.249	1.155.438.116	1.155.438.116
	12.761.558.196	12.761.558.196	8.573.081.648	8.573.081.648
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (i)	160.937.503.177	160.937.503.177	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	10.590.000.000	10.590.000.000	-	-
	171.527.503.177	171.527.503.177	-	-
Cộng	184.289.061.373	184.289.061.373	8.573.081.648	8.573.081.648
<i>Trong đó, phải trả người bán các bên liên quan</i>				
Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (i)	160.937.503.177	160.937.503.177	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	-	415.455.250	415.455.250
Cộng	160.937.503.177	160.937.503.177	415.455.250	415.455.250

- (i) Theo Hợp đồng ngày 01 tháng 10 năm 2019, Công ty CII B&R nhận chuyển nhượng 15.428.386 cổ phần Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận (Công ty BOT) thuộc sở hữu của Công ty CII với giá chuyển nhượng 160.210.704.547 VND và khoản phí bảo lãnh cho toàn bộ cổ phần chuyển nhượng.
- (ii) Công ty nhận chuyển nhượng vốn 51% vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (Công ty Tuấn Lộc) với Công ty CII B&R tại Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên (doanh nghiệp dự án) theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 09 tháng 4 năm 2018 với giá mua là 106.590.000.00 VND và việc chuyển nhượng này đã được sự chấp thuận của Bộ Giao thông Vận tải tại công văn số 14310/BGTVT-ĐTCT. Hiện nay Công ty CII B&R còn phải trả Công ty Tuấn Lộc là 10.590.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (i)	462.850.380.000	-
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	860.780.150	1.398.915.150
Công ty Cổ phần B.O.T Quốc Lộ 20 Lâm Đồng	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (E&C)	-	35.550.000
Ban quản lý đầu tư Xây dựng Công trình nâng cấp Đô thị Thành phố	365.219.173	365.219.173
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	381.560.515
Các đối tượng khác	139.962.732	90.784.088
Cộng	465.416.342.055	3.472.028.926
<i>Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (i)	462.850.380.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (E&C)	-	35.550.000
Cộng	462.850.380.000	35.550.000

(i) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty CII đồng ý nhận chuyển nhượng số cổ phần thuộc sở hữu của Công ty CII B&R tương đương với 30% vốn điều lệ của Trung Lương - Mỹ Thuận. Do đó số tiền 462.850.380.000 VND mà Công ty CII đã chuyển cho Công ty CII B&R để Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (doanh nghiệp dự án) theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 26/2017 ký ngày 15 tháng 8 năm 2017 được chuyển thành khoản ứng trước của Công ty CII để thực hiện thỏa thuận này.

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà Nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	205.363.222	205.363.222	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	189.707.730	708.348.784	704.997.106	193.059.408
Thuế nhà đất, thuế đất	-	11.394.360	11.394.360	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	189.707.730	929.106.366	925.754.688	193.059.408
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Tiền thuế đất nộp thừa tại 345-347				
An Dương Vương	391.243.752	46.585.167	-	344.658.585
Thuế giá trị gia tăng vãng lai				
nội tỉnh đã nộp	584.700.676	147.433.608	-	437.267.068
Cộng	2.153.375.983	194.018.775	-	1.959.357.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.443.741.678	4.726.626.039
Chi phí phải trả khác	340.000.000	305.000.000
Cộng	4.783.741.678	5.031.626.039

5.16 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	76.014.387.963	132.810.038.771
Ứng trước lợi nhuận từ Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu (i)	54.681.500.895	16.729.927.636
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường	-	96.000.000.000
Khoản thu hộ tiền phụ cấp Hội đồng thành viên	-	3.600.000.000
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Công ty Cấp thoát nước Thành phố	451.242.467	451.242.467
Phải trả khác	13.056.197	10.679.197
Cộng	156.148.537.522	274.590.238.071
b. Dài hạn		
Khoản thu hộ tiền phụ cấp Hội đồng thành viên	5.500.000.000	-
Cộng	5.500.000.000	-
<i>Trong đó, phải trả là các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	76.014.387.963	132.810.038.771
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường	-	96.000.000.000
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miểu	54.681.500.895	16.729.927.636
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Cộng	155.684.238.858	270.528.316.407

- (i) Số dư phải trả cho Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miểu thể hiện khoản tiền nhận tạm ứng lợi nhuận chưa được chính thức công bố chia từ công ty con này. Khi nhận được thông báo chia lợi nhuận từ công ty con, khoản phải trả sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty theo số liệu được chia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Vay và nợ thuế tài chính

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<i>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</i>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	383.544.548.625	383.544.548.625	-	465.014.581.375	848.559.130.000	848.559.130.000
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miêu	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
<i>Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	45.113.000.000	45.113.000.000			26.088.000.000	26.088.000.000
Cộng	428.657.548.625	428.657.548.625	5.000.000.000	470.014.581.375	874.647.130.000	874.647.130.000
<i>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</i>						
Ngân hàng BIDV- CN Tây Sài Gòn	340.049.568.925	340.049.568.925	-	26.088.000.000	366.137.568.925	366.137.568.925
<i>Trừ số phải trả trong 12 tháng tới</i>	<i>(45.113.000.000)</i>	<i>(45.113.000.000)</i>			<i>(26.088.000.000)</i>	<i>(26.088.000.000)</i>
Cộng	294.936.568.925	294.936.568.925	-	26.088.000.000	340.049.568.925	340.049.568.925
Tổng cộng	723.594.117.550	723.594.117.550	5.000.000.000	496.102.581.375	1.214.696.698.925	1.214.696.698.925

Trong đó thanh toán theo kỳ hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Trong vòng một (01) năm	45.113.000.000	26.088.000.000
Trong năm thứ hai (02)	101.669.000.000	45.113.000.000
Từ năm thứ ba (03) đến năm thứ năm (05)	193.267.568.925	294.936.568.925
Cộng	340.049.568.925	366.137.568.925
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng	<i>(45.113.000.000)</i>	<i>(26.088.000.000)</i>
Số phải trả sau 12 tháng	294.936.568.925	340.049.568.925

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	1.928.547.650.000	3.657.748.096	44.860.510.378	163.220.149.107	2.140.286.057.581
Lãi trong năm trước	-	-	-	215.868.221.707	215.868.221.707
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.793.411.000	(10.793.411.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.079.342.000)	(1.079.342.000)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị &	-	-	-	-	-
Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.023.000.000)	(1.023.000.000)
Số dư đầu năm nay	1.928.547.650.000	3.657.748.096	55.653.921.378	366.192.617.814	2.354.051.937.288
Lãi trong năm nay	-	-	-	277.925.265.174	277.925.265.174
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.896.263.000	(13.896.263.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.389.626.000)	(1.389.626.000)
Số dư cuối năm nay	1.928.547.650.000	3.657.748.096	69.550.184.378	628.831.993.988	2.630.587.576.462

b. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Cổ phiếu	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND/cổ phiếu

5.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 ngày 23 tháng 4 năm 2019, cổ tức năm 2018 tạm thời chưa được chia cho các cổ đông. Lợi nhuận năm 2018 được tích lũy và chia ở các năm sau khi nguồn thu lợi nhuận từ các dự án đủ để chia theo kế hoạch dòng tiền của Công ty.

Cổ tức năm 2019 được ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, tỷ lệ và hình thức chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty.

d. Các quỹ của doanh nghiệp

Và theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 ngày 23 tháng 4 năm 2019 đã thống nhất thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019, theo đó trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 5% lợi nhuận sau thuế và trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 0,5% lợi nhuận sau thuế.

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	69.550.184.378	55.653.921.378
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.741.418.058	1.284.899.736
Cộng	71.291.602.436	56.938.821.114

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	9.761.170.205	30.254.059.755
Doanh thu cung cấp dịch vụ	249.160.959	4.886.224.366
Cộng	10.010.331.164	35.140.284.121
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	454.565.992	432.311.571
Doanh thu thuần	9.555.765.172	34.707.972.550

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	246.197.914	590.892.000
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	-	4.289.095.643
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	1.012.285.679
Cộng	246.197.914	5.892.273.322

5.20 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	9.306.126.409	30.362.447.275
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	227.703.642	249.263.056
Cộng	9.533.830.051	30.611.710.331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Lợi nhuận được chia	312.739.453.760	290.833.917.343
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.326.480.550	44.393.374.750
Lãi phát sinh từ hợp tác đầu tư Dự án		
Trung Lương - Mỹ Thuận	24.434.642.974	49.495.116.915
Lãi chênh lệch tỷ giá, chiết khấu	-	70.909
Cộng	373.500.577.284	384.722.479.917

Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	6.347.988.258	17.291.496.395
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	170.144.952.449	67.840.731.054
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	76.829.489.286	73.432.109.567
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	70.607.164.800	57.158.824.635
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	214.267.114	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	93.599.014	-
Công ty TNHH MTV B.O.T tỉnh Ninh Thuận	-	32.750.724.614
Công ty Cổ phần Xây dựng cầu Sài Gòn	-	15.456.279.397
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	-	48.241.070.297
Cộng	324.237.460.921	312.171.235.959

5.22 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Chi phí lãi vay	80.537.477.537	132.067.832.529
Giảm vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng cầu Sài Gòn	-	30.925.083.264
Lỗ từ thoái vốn công ty con	672.355.000	-
Lỗ góp vốn đầu tư về dự án	-	2.144.404.889
Cộng	81.209.832.537	165.137.320.682

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	41.031.434.520	59.535.455.558
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	30.925.083.264
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	20.958.904	-
Cộng	41.052.393.424	90.460.538.822

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Thanh toán cho người lao động	4.418.009.262	4.145.044.873
Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	272.689.372	362.348.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.586.425	165.888.780
Chi phí thuê văn phòng	484.500.000	594.000.000
Chi phí tiếp khách	242.141.464	379.040.136
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	7.048.790.333	1.805.279.447
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác.	822.884.405	1.215.106.697
Cộng	13.334.601.261	8.666.708.224
 <i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	635.674.709	742.773.227
Cộng	635.674.709	742.773.227

5.24 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Thu nhập từ cho thuê xe	1.200.000.000	752.727.273
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	-	562.158.462
Cộng	1.200.000.000	1.314.885.735
 <i>Trong đó, thu nhập khác phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	600.000.000	480.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	600.000.000	272.727.273
Cộng	1.200.000.000	752.727.273

5.25 Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Chi phí cho thuê tài sản	758.416.975	395.677.258
Các khoản khác	1.473.420.226	-
Cộng	2.231.837.201	395.677.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Lợi nhuận kế toán trước thuế	277.925.265.174	215.868.221.707
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	10.707.715.608	62.587.840.598
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(312.739.453.760)	(290.833.917.343)
Thu nhập chịu thuế	(24.106.472.978)	(12.377.855.038)
Lỗi tính thuế mang sang	-	-
Thu nhập tính thuế	(24.106.472.978)	(12.377.855.038)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Chi phí nhân công	3.959.829.209	3.646.111.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	383.105.865	383.113.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.044.900.720	16.144.976.784
Chi phí khác bằng tiền.	888.532.938	1.269.497.101
Cộng	14.276.368.732	21.443.698.905

6 THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	5.000.000.000	-
Cộng	5.000.000.000	-
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	26.088.000.000	259.781.600.000
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	465.014.581.375	50.477.000.000
Cộng	491.102.581.375	310.258.600.000

6.2 Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh về đầu tư: hoạt động tài chính về hỗ trợ vốn, hoạt động đầu tư.
- Hoạt động kinh doanh về công trình xây dựng: thi công lắp đặt, duy tu các công trình chiếu sáng;
- Hoạt động kinh doanh dịch vụ: Cho thuê kho bãi và các dịch vụ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÀU ĐƯỜNG CHỊ

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.2 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	CHỈ TIÊU	Đầu tư tài chính VND	Cung cấp dịch vụ VND	Thi công, lắp đặt duy tu công trình VND	Tổng cộng VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	249.160.959	9.761.170.205	10.010.331.164
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	454.565.992	454.565.992
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	249.160.959	9.306.604.213	9.555.765.172
4	Giá vốn hàng bán	-	227.703.642	9.306.126.409	9.533.830.051
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	21.457.317	477.804	21.935.121
6	Doanh thu hoạt động tài chính	373.500.577.284	-	-	373.500.577.284
	Lợi nhuận được chia	312.739.453.760	-	-	312.739.453.760
	Lãi cho vay	55.877.006.749	-	-	55.877.006.749
	Lãi tiền gửi ngân hàng	4.884.116.775	-	-	4.884.116.775
7	Chi phí tài chính	81.209.832.537	-	-	81.209.832.537
	Chi phí lãi vay	80.537.477.537	-	-	80.537.477.537
	Lỗ từ thoái vốn công ty con	672.355.000	-	-	672.355.000
8	Chi phí bán hàng	-	-	20.976.232	20.976.232
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.285.810.928	-	7.048.790.333	13.334.601.261
	Chi phí lương nhân viên	4.418.009.262	-	-	4.418.009.262
	Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	272.689.372	-	-	272.689.372
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.586.425	-	-	45.586.425
	Chi phí thuê văn phòng	484.500.000	-	-	484.500.000
	Chi phí tiếp khách	242.141.464	-	-	242.141.464
	Chi phí dự phòng nợ khó đòi	-	-	7.048.790.333	7.048.790.333
	Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác.	822.884.405	-	-	822.884.405
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	286.004.933.819	21.457.317	(7.069.288.761)	278.957.102.375

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)*

STT CHỈ TIÊU	Đầu tư tài chính VND	Cung cấp dịch vụ VND	Thi công, lắp đặt đầu tư công trình VND	Tổng cộng VND
11 Thu nhập khác	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Thu nhập từ cho thuê xe		1.200.000.000		1.200.000.000
12 Chi phí khác	-	2.231.837.201	-	2.231.837.201
Chi phí cho thuê xe		758.416.975		758.416.975
Chi phí xây dựng cao ốc phát sinh sau khi bàn giao		663.950.204		663.950.204
Chi phí sửa chữa căn hộ 70 Lữ Gia từ nhiều năm trước		82.197.295		82.197.295
Chi phí tư vấn thực hiện dự án phát sinh từ năm 2016		727.272.727		727.272.727
13 Lợi nhuận khác	-	(1.031.837.201)	-	(1.031.837.201)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	286.004.933.819	(1.010.379.884)	(7.069.288.761)	277.925.265.174
15 Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	9.234.295.382	1.473.420.226	-	10.707.715.608
Chi phí lãi vay loại trừ theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính Phủ	8.561.940.382	-	-	8.561.940.382
Lỗ từ thoái vốn công ty con	672.355.000	-	-	672.355.000
Chi phí xây dựng cao ốc phát sinh sau khi bàn giao	-	663.950.204	-	663.950.204
Chi phí sửa chữa căn hộ 70 Lữ Gia từ nhiều năm trước	-	82.197.295	-	82.197.295
Chi phí tư vấn thực hiện dự án phát sinh từ năm 2016	-	727.272.727	-	727.272.727
16 Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế	312.739.453.760	-	-	312.739.453.760
Lợi nhuận được chia	312.739.453.760	-	-	312.739.453.760
17 Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	(24.106.472.978)
18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 20%	-	-	-	-
19 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	277.925.265.174

6 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM		
Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	465.014.581.375	50.477.000.000
Thanh toán lãi vay hỗ trợ vốn	92.291.152.782	-
Ứng trước tiền mua dự án Trung Lương - Mỹ Thuận	462.850.380.000	-
Cho vay hỗ trợ vốn	145.400.000.000	-
Nhận lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	86.274.227.094	31.024.740.657
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	925.772.906	8.045.259.343
Thu tiền cho thuê mặt bằng	324.990.000	649.980.000
Phải trả khoản đầu tư vào dự án Trung Lương - Mỹ Thuận	160.937.503.177	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Cho vay hỗ trợ vốn	4.943.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	16.440.278	-
Lãi cho vay phải thu	93.599.014	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thanh toán tiền thuê văn phòng	1.114.697.430	629.414.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Thu tiền thi công công trình	-	1.113.514.247
Góp vốn trong năm	-	281.724.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn		
Thu tiền cổ tức được chia	-	105.771.501.982
Nhận tiền hoàn trả vốn góp từ công ty con	-	138.101.310.000
Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	38.651.573.259	41.704.443.149
Thu tiền dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	395.200.248	4.243.468.428
Thu tiền phụ cấp Hội đồng thành viên	1.200.000.000	1.200.000.000
Phải thu tiền phụ cấp thành viên	1.200.000.000	1.200.000.000
Nhận tiền gốc hỗ trợ vốn	5.000.000.000	-
Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	5.000.000.000	-
Thanh toán lãi vay hỗ trợ vốn	20.958.904	-

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Thu tiền cổ tức được chia	42.855.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận		
Phải thu tiền góp vốn	76.470.000.000	35.610.000.000
Cho vay hỗ trợ vốn	-	11.000.000.000
Nhận lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	-	11.000.000.000
Thu tiền lãi vay	-	5.500.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG		
Thu tiền bán hàng	660.000.000	528.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII		
Phải thu khoản tạm mượn	14.000.000	3.000.000
Cho vay hỗ trợ vốn	-	140.000.000
Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	-	500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		
Cho vay hỗ trợ vốn	907.000.000	-
Lãi cho vay phải thu	214.267.114	-


6.4 Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
Lương và thưởng	3.132.767.017	4.327.357.941

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc